CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MTV
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN

Số: **08** /QĐ-HĐTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành Hệ thống thang bảng lương
của Công ty TNHH Một thành viên Công trình Giao thông Sài gòn

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 122/2015/NĐ-CP ngày 14/11/2015 của Chính phủ về "Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức sử dụng lao động theo hợp đồng lao động";

Căn cứ theo thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 về việc hướng dẫn xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tiền lương;

Căn cứ Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 12/03/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Quản lý Công trình Giao thông Sài Gòn thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công trình Giao thông Sài Gòn;

Căn cứ công văn số 01/CĐ ngày 04/01/2016 của Công đoàn cơ sở công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài gòn về việc thống nhất với thang bảng lương của Công ty;

Căn cứ công văn số 87/ĐTTC-QTNNL ngày 13/01/2016 của công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp. Hồ Chí Minh về việc cho ý kiến hệ thống thang bảng lương của công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài gòn;

Xét đề nghị của Giám đốc tại công văn số 163/CTGTSG ngày 14 tháng 03 năm 2016 về ban hành hệ thống thang bảng lương đối với người lao động, và Nghị quyết số 04/NQ-HĐTV ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Hội đồng thành viên Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Hệ thống thang bảng lương của Công ty TNHH Một thành viên Công trình Giao thông Sài gòn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016 và thay thế các quyết định, quy chế trước đây có nội dung trái với quyết định này.

Điều 3. Các Ông, Bà Giám đốc công ty, Phó Giám đốc công ty, Trưởng phòng chức năng và Giám đốc các Xí nghiệp trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 *"để thực hiện";*
- Công ty HFIC "để báo cáo";
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội TP;
- Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Q10;
- HĐTV
- BCH Công đoàn công ty;
- Lưu: TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN

Trần Minh Khiêm

CTY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN CHỨC DANH CÔNG VIỆC TRONG HỆ THỐNG BẢNG LƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ...02./QĐ-HĐTV, ngày 30/3./2016 của Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn)

1. LAO ĐỘNG QUẢN LÝ

TT	Ký hiệu	Nhóm chức danh	Tiêu chuẩn
1	A01	Chủ tịch Hội đồng thành viên	- Tốt nghiệp đại học trở lên khối ngành kinh tế /kỹ thuật; - Có năng lực hoạch định, tổ chức, quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
2	A02	Giám đốc Công ty	
3	A03	Phó Giám đốc Công ty	
		Kiểm soát viên	Theo tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước.
4	A04	Kế toán trưởng Công ty	- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Tài chính-kế toán /Kiểm toán /Ngân hàng; có chứng chỉ kế toán trưởng; - Có năng lực quản lý, điều hành hoạt động tài chính, kế toán của doanh nghiệp.
5	A05	Trưởng đơn vị	- Tốt nghiệp đại học trở lên; - Có năng lực tổng hợp, tổ chức chỉ đạo, kiểm tra và triển khai các công tác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
6	A06	Phó trưởng đơn vị	

2. LAO ĐỘNG CHUYÊN MÔN, PHỤC VỤ

TT	Ký hiệu	Nhóm chức danh	Tiêu chuẩn
1	**B01**	**CBNV nhóm 1**	
		NV. Kế toán công trình A, NV. Kế toán công trình B, Phụ trách kế toán Xí nghiệp	- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực được phân công; - Thành thạo và có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực được phân công.
		NV. Kế hoạch kinh doanh, NV. Kế hoạch công ích, NV. Đầu tư	
		NV. Quản lý chất lượng	
		NV. Kỹ thuật xe máy thiết bị	
		NV. Tư vấn pháp lý	
2	**B02**	**CBNV nhóm 2**	
		NV. Kỹ thuật hồ sơ công trình kinh doanh, NV. Kỹ thuật thi công, NV. Kỹ thuật công trình, NV. Kỹ thuật hệ thống THGT, NV. Kỹ thuật điện công cộng	- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực được phân công; - Thành thạo và có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực được phân công.
		NV. Quản trị mạng kiêm Tổng đạt văn thư	
		NV. Tiền lương-Định mức	
		NV. Kế toán kho, NV. Kế toán sản xuất vật liệu xây dựng, NV. Kế toán ngân hàng, NV. Kế toán tiền lương-BHXH, NV. Kế toán tiền mặt-chi phí QLDN	
		NV. Thư ký	
		NV. Chính sách	- Tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực được phân công; - Nắm vững kiến thức về lĩnh vực được phân công phụ trách.
		NV. Kỹ thuật Duy tu-Khoán, NV. Kỹ thuật sản xuất bê tông, NV. Kỹ thuật công trình cây xanh	- Tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực được phân công; - Nắm vững kiến thức về lĩnh vực được phân công phụ trách.
		NV. Hành chính-Quản trị	

TT	Ký hiệu	Nhóm chức danh	Tiêu chuẩn
3	**B03**	**CBNV nhóm 3**	
		NV. Kế toán thuế, NV. Kế toán tài sản cố định	- Tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực được phân công; - Nắm vững kiến thức về lĩnh vực được phân công phụ trách.
		NV. Cung ứng vật tư, NV. Thủ kho	- Tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực được phân công; - Nắm vững kiến thức về lĩnh vực được phân công phụ trách.
		NV. Văn thư-Lưu trữ, NV. Thủ quỹ-Thủ kho-Văn thư XN	
		NV. Hành chính phòng	
		NV. Kế toán thanh toán Xí nghiệp, NV. Kế toán vật tư, NV. Kế toán hồ sơ thanh quyết toán, NV. Kế toán Xí nghiệp, NV. Kế toán Kho-Thanh toán, NV. Kế toán Công nợ-Thuế, NV. Nhân sự-Kế toán	
		NV. Lái xe	- Qua khóa đào tạo và có giấy phép lái xe phù hợp; - Giao tiếp cơ bản; tính cách cẩn thận, bình tĩnh, mẫn cán.
4	**B04**	**CBNV nhóm 4**	
		NV. Thủ quỹ-Văn thư phòng, NV. Văn thư phòng	- Tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực được phân công; - Nắm vững kiến thức về lĩnh vực được phân công phụ trách.
		NV. Thủ quỹ-Văn thư, NV. Thủ quỹ-Kinh doanh (XN)	
		NV. Thủ kho (XN)	
5	**B05**	**CBNV nhóm 5**	
		NV. Bảo vệ *(gồm Đội trưởng, Đội phó)*	- Đã qua khóa đào tạo ngắn hạn về công tác bảo vệ, vệ sỹ; - Hiểu biết cách thức phòng gian bảo mật và PCCN; biết xử lý các tình huống khi xảy ra hiện tượng vi phạm an ninh, trật tự.
6	**B06**	**CBNV nhóm 6**	
		NV. Phục vụ	- Tính cách nhanh nhẹn, cẩn thận, gọn gàng, hòa nhã, lịch sự.

3. LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP SẢN XUẤT, KINH DOANH

TT	Ký hiệu	Nhóm chức danh	Tiêu chuẩn
1	C01	**CNV nhóm 1**	
		Thuyền trưởng	- Có bằng thuyền trưởng phương tiện thủy phù hợp; - Thực hiện thành thạo nhiệm vụ được phân công.
2	C02	**CNV nhóm 2**	
		CN. Quản lý và theo dõi đội xe của XN	- Tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực được phân công; - Nắm vững kiến thức về lĩnh vực được phân công phụ trách.
		Tổ trưởng Khoán-Duy tu, Tổ trưởng Phụ trách công trình kinh doanh, Nhóm trưởng Công trình kinh doanh	- Tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên theo chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực được phân công; - Nắm vững kiến thức về lĩnh vực được phân công phụ trách và khả năng cơ bản về quản lý nhân sự.
		Tổ trưởng Sản xuất vật liệu xây dựng, Tổ trưởng Thi công, Tổ trưởng Tổ sơn	
		CN. Vận hành máy tàu	- Qua khóa đào tạo máy tàu phương tiện thủy phù hợp; - Thực hiện thành thạo nhiệm vụ được phân công.
3	C03	**CNV nhóm 3**	
		NV. Tuần tra giao thông	- Tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực được phân công; - Nắm vững kiến thức về lĩnh vực được phân công phụ trách.
		CN. Lái xe đầu kéo, CN. Lái xe chuyên dùng, CN. Lái xe cơ giới, CN. Lái xe tải trên 5 tấn, CN. Lái xe tải-xe bồn, CN. Lái tàu	- Qua khóa đào tạo và có giấy phép lái xe, tàu phù hợp; - Giao tiếp cơ bản; tính cách cẩn thận, bình tĩnh, mẫn cán.
4	C04	**CNV nhóm 4**	
		CN. Lái xe tải từ 5 tấn trở xuống	- Qua khóa đào tạo và có giấy phép lái xe phù hợp; - Giao tiếp cơ bản; tính cách cẩn thận, bình tĩnh, mẫn cán.
		CN. Cầu đường, CN. Thi công công trình, CN. Thi công	- Tốt nghiệp sơ cấp nghề trở lên theo chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực được phân công; - Thực hiện thành thạo nhiệm vụ được phân công.
		CN. Sản xuất vật liệu xây dựng, CN. Sản xuất bê tông, CN. Sơn, CN. Lắp đặt điện công cộng, CN. Công trình cây xanh	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2015

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàng Anh Giao

CTY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

HỆ THỐNG BẢNG LƯƠNG THEO CHỨC DANH CÔNG VIỆC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ...08.../QĐ-HĐTV, ngày 30/3/2016 của Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn)

Bảng 1.1

BẢNG LƯƠNG CƠ BẢN THEO CHỨC DANH CÔNG VIỆC CỦA LAO ĐỘNG QUẢN LÝ CÔNG TY

HỆ SỐ VÀ MỨC LƯƠNG

Đơn vị của mức lương: 1.000 đồng

Nhóm lương	Nhóm chức danh công việc		Bậc 1	Bậc 2	Ghi chú
A01	**Chủ tịch Hội đồng thành viên**	Hệ số lương	6,97	7,30	*Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ*
		Mức lương	8.016	8.395	
A02	**Giám đốc Công ty**	Hệ số lương	6,64	6,97	
		Mức lương	7.636	8.016	
A03	**Phó Giám đốc Công ty, Kiểm soát viên**	Hệ số lương	5,98	6,31	
		Mức lương	6.877	7.257	
A04	**Kế toán trưởng Công ty**	Hệ số lương	5,65	5,98	
		Mức lương	6.498	6.877	
A05	**Trưởng đơn vị**	Hệ số lương	2,10	2,21	
		Mức lương	7.350	7.735	
A06	**Phó trưởng đơn vị**	Hệ số lương	1,98	2,08	
		Mức lương	6.930	7.280	

BẢNG LƯƠNG
CỦA LAO ĐỘNG CHUYÊN MÔN, PHỤC VỤ
HỆ SỐ VÀ MỨC LƯƠNG

Đơn vị của mức lương: 1.000 đồng

Nhóm lương	Nhóm chức danh công việc		Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
B01	CBNV nhóm 1	Hệ số lương	1,70	1,79	1,88	1,98	
		Mức lương	5.950	6.265	6.580	6.930	
B02	CBNV nhóm 2	Hệ số lương	1,61	1,70	1,79	1,88	
		Mức lương	5.635	5.950	6.265	6.580	
B03	CBNV nhóm 3	Hệ số lương	1,40	1,47	1,55	1,63	1,72
		Mức lương	4.900	5.145	5.425	5.705	6.020
B04	CBNV nhóm 4	Hệ số lương	1,24	1,31	1,38	1,45	1,53
		Mức lương	4.340	4.585	4.830	5.075	5.355
B05	CBNV nhóm 5	Hệ số lương	1,13	1,19	1,25	1,32	1,39
		Mức lương	3.955	4.165	4.375	4.620	4.865
B06	CBNV nhóm 6	Hệ số lương	1,07	1,13	1,19	1,25	1,32
		Mức lương	3.745	3.955	4.165	4.375	4.620

BẢNG LƯƠNG
CỦA LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP SẢN XUẤT, KINH DOANH
HỆ SỐ VÀ MỨC LƯƠNG

Đơn vị của mức lương: 1.000 đồng

Nhóm lương	Nhóm chức danh công việc		Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4
C01	CNV nhóm 1	Hệ số lương	1,70	1,87		
		Mức lương	5.950	6.545		
C02	CNV nhóm 2	Hệ số lương	1,61	1,70	1,79	1,88
		Mức lương	5.635	5.950	6.265	6.580
C03	CNV nhóm 3	Hệ số lương	1,40	1,47	1,55	1,63
		Mức lương	4.900	5.145	5.425	5.705
C04	CNV nhóm 4	Hệ số lương	1,24	1,31	1,38	1,45
		Mức lương	4.340	4.585	4.830	5.075

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàng Anh Giao

4

CTY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ NÂNG LƯƠNG VÀ CHUYỂN XẾP LƯƠNG CƠ BẢN CHO CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ....08./QĐ-HĐTV, ngày 30/3./2016 của Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn)

1. Mục đích, đối tượng và kỳ đánh giá

1.1. Mục đích: Đánh giá nâng lương, chuyển xếp lương làm cơ sở trả lương cơ bản theo chức danh công việc và thực hiện chế độ BHXH, BHTN, BHYT đối với người lao động.

1.2. Đối tượng áp dụng: Toàn thể CBCNV đang làm việc tại Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn. Quy định này không áp dụng đối với viên chức quản lý của Công ty (Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Kiểm soát viên, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng).

1.3. Kỳ đánh giá: Đánh giá mỗi năm 02 đợt vào tháng 01 và 07. Theo đó, kết quả đánh giá được sử dụng để trả lương cơ bản và thực hiện chế độ BHXH, BHTN, BHYT đối với người lao động vào tháng 1 và tháng 7 hằng năm.

2. Nguyên tắc nâng bậc và chuyển xếp lương

- việc xếp lương phải căn cứ vào công việc được giao - CBCNV làm công việc nào thì được xếp theo nhóm lương công việc tương ứng;
- Nâng bậc lương phải căn cứ vào thời gian giữ bậc lương, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBCNV và tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật, tiêu chuẩn chức danh nghiệp vụ, kỹ thuật quy định;
- Trường hợp CBCNV không đủ điều kiện nâng lương theo định kỳ thì sẽ được xét nâng lương vào đợt sau.

3. Quy định đánh giá nâng lương

3.1. Điều kiện và tiêu chuẩn xét nâng bậc lương

CBCNV đủ điều kiện nâng lương phải đảm bảo các tiêu chuẩn gồm: (1) Thời gian giữ bậc lương, (2) Mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, (3) Không vi phạm kỷ luật, và (4) Tiêu chuẩn khác. Cụ thể như sau:

3.1.1. Tiêu chuẩn 1: Thời gian giữ bậc lương

CBCNV đủ thời gian giữ bậc lương hiện hưởng tính từ lần nâng lương trước là 36 tháng (không gồm thời gian bị kỷ luật, đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam được cơ quan có thẩm quyền kết luận có lỗi; thời gian nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng trở lên).

3.1.2. Tiêu chuẩn 2: Mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao

CBCNV phải thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ được giao với kết quả từ 80% số tháng tính đến ngày xét nâng lương đạt mức 4 trở lên và không có tháng nào bị xếp mức 1 (quy định tại Phụ lục số 2).

3.1.3. Tiêu chuẩn 3: Không vi phạm kỷ luật

CBCNV không trong thời gian thi hành kỷ luật lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và nội quy lao động của Công ty.

3.1.4. Tiêu chuẩn khác

- Đối với cán bộ quản lý đơn vị, bộ phận: Ngoài các tiêu chuẩn 1, 2 và 3 nêu trên thì còn phải đạt yêu cầu về năng lực điều hành, quản lý thể hiện qua hiệu quả công tác của đơn vị, bộ phận.

- Đối với lao động trực tiếp sản xuất xếp nhóm lương C01, C02, C03 và C04: Ngoài các tiêu chuẩn 1, 2 và 3 nêu trên thì tùy theo từng giai đoạn, còn phải đạt yêu cầu qua kỳ thi nâng bậc hoặc kết quả đánh giá tay nghề của Hội đồng chuyên môn do Công ty tổ chức. Theo đó, khi xét nâng lương các chức danh công nhân Cầu đường, Thi công công trình, Sản xuất vật liệu xây dựng, Thi công, Sơn, Sản xuất bê tông, Lắp đặt điện công cộng và Công trình cây xanh phải có chứng chỉ nghề phù hợp: Tối thiểu phải có chứng chỉ nghề bậc 6/7 mới được xét nâng lương lên bậc 4, tối thiểu phải có chứng chỉ nghề bậc 4/7 mới được xét nâng lương lên bậc 3, tối thiểu phải có chứng chỉ nghề bậc 2/7 mới được xét nâng lương lên bậc 2. Trường hợp không đạt thì sẽ xét nâng bậc vào kỳ kế tiếp.

3.2. Nâng lương trước thời hạn

Đối với CBCNV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có năng lực làm việc tốt, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tổ chức quản lý góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty hoặc đoạt giải tại các cuộc thi và chấp hành tốt những quy định của pháp luật Nhà nước, của Công ty thì được xem xét nâng lương trước thời hạn, nhưng tối đa không quá ½ thời hạn quy định về thời gian giữ bậc lương tại mục 3.1.1. Từng trường hợp cụ thể sẽ do trưởng đơn vị đề nghị và Hội đồng nâng bậc lương xem xét, quyết định.

4. Quy định về chuyển xếp lương

4.1. Cơ sở chuyển xếp lương

Cơ sở chuyển xếp lương (nhóm và bậc lương) là Quyết định điều động, bổ nhiệm của Giám đốc Công ty.

4.2.Thời gian chuyển xếp lương

Thời gian chuyển xếp lương cho CBCNV là thời điểm hiệu lực ghi trong trong Quyết định điều động, bổ nhiệm của Giám đốc Công ty.

4.3. Xếp bậc lương khi điều chỉnh vị trí công việc

- CBCNV được chuyển xếp lên nhóm lương cao hơn thì xếp vào bậc có mức lương bằng hoặc cao hơn liền kề ở nhóm lương mới. Thời gian nâng bậc lương lần sau tính từ thời điểm nâng lương tại nhóm lương cũ.

- CBCNV bị chuyển xếp xuống nhóm lương thấp hơn thì xếp vào bậc có mức lương bằng hoặc thấp hơn liền kề ở nhóm lương mới. Thời gian nâng bậc lương lần sau tính từ thời điểm nâng lương tại nhóm lương cũ.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Công ty thành lập Hội đồng nâng bậc lương; Thành phần Hội đồng nâng bậc lương gồm: Giám đốc làm Chủ tịch, Chủ tịch công đoàn làm Phó chủ tịch, Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính làm Ủy viên thường trực và các thành viên khác do Giám đốc chỉ định theo yêu cầu của từng đợt nâng bậc lương.

Nhiệm vụ của Hội đồng nâng bậc lương gồm: Lập và thông báo kế hoạch nâng

bậc lương hàng năm trong Công ty; tổ chức thi nâng bậc cho lao động trực tiếp sản xuất thuộc đối tượng (nếu có); xét nâng bậc lương hàng năm cho người lao động và ban hành quyết định nâng bậc lương đối với CBCNV đủ điều kiện.

5.2. Phòng Tổ chức-Hành chính có trách nhiệm rà soát danh sách người lao động đến thời hạn nâng lương, chuẩn bị tài liệu liên quan làm cơ sở để xét nâng lương. Định kỳ hàng năm tổng hợp, phân tích, đánh giá và báo cáo Giám đốc kết quả nâng bậc lương toàn Công ty.

5.3. CBCNV đang làm việc tại Công ty thuộc đối tượng áp dụng có trách nhiệm thực hiện đúng quy định này.

5.4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về phòng Tổ chức-Hành chính để tổng hợp trình Giám đốc xem xét sửa đổi, bổ sung.